

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG
TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 25



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Chủ tịch

Ông Trần Kiên Cường
Ông Nguyễn Anh Tuấn

Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2013)
Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2013)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Anh Tuấn
Ông Vũ Đức Mạnh
Bà Nguyễn Lệ Hằng
Bà Phạm Vân Anh

Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2013)
Quyền Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2013)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC


Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Đức Mạnh
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2013

Số: *22* /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Chủ tịch và Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2013, từ trang 4 đến trang 25. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0029-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 12 tháng 8 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1291-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 01a-CTQ

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		988.484.540.401	1.151.528.229.612
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	189.344.169.542	205.583.619.114
1. Tiền	111		2.344.169.542	1.583.619.114
2. Các khoản tương đương tiền	112		187.000.000.000	204.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	780.377.300.000	905.284.200.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		782.914.826.095	908.474.826.095
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.537.526.095)	(3.190.626.095)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.672.461.949	40.376.531.176
1. Trả trước cho người bán	132		-	109.193.380
2. Các khoản phải thu khác	135	7	17.672.461.949	40.267.337.796
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.090.608.910	283.879.322
1. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.090.608.910	283.879.322
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		159.659.647.611	49.560.165.869
I. Tài sản cố định	220		3.121.821.611	4.560.165.869
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	3.069.703.883	4.487.430.143
- Nguyên giá	222		4.241.960.000	5.635.383.680
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.172.256.117)	(1.147.953.537)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	52.117.728	72.735.726
- Nguyên giá	228		123.708.000	123.708.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(71.590.272)	(50.972.274)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	155.650.000.000	45.000.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		155.650.000.000	45.000.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		887.826.000	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		887.826.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.148.144.188.012	1.201.088.395.481

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 01a-CTQ
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
			30/6/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		151.236.588.857	197.608.693.962
I. Nợ ngắn hạn	310		151.236.588.857	197.608.693.962
1. Phải trả người bán	312		95.161.100	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	10.808.191.795	13.092.957.305
3. Phải trả người lao động	315		1.162.288.401	3.608.596.426
4. Chi phí phải trả	316		-	478.333.333
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	138.388.347.537	180.239.906.493
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		782.600.024	188.900.405
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	13	996.907.599.155	1.003.479.701.519
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		950.000.000.000	950.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.887.916.715	4.164.643.015
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4.443.958.357	2.082.321.507
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		33.575.724.083	47.232.736.997
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.148.144.188.012	1.201.088.395.481

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh		
			30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006			
Trong đó:				
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		10.214.826.095	9.974.826.095
7. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ	020		344.700.000.000	852.500.000.000
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030		307.586.109	20.385.919.158
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		266.696.283	20.309.263.148
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		40.889.826	76.656.010
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	14	874.595.680.000	720.407.937.687
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		873.155.680.000	718.967.937.687
9.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042		1.440.000.000	1.440.000.000
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	15	3.112.226.027	6.819.647.350
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	16	202.739.726	20.065.890.000


 Nguyễn Thị Thanh Tú
 Người lập biểu


 Hoàng Thị Dung
 Kế toán trưởng


 Vũ Đức Mạnh
 Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 02a-CTQ

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013	Từ 01/01/2012
			đến 30/6/2013	đến 30/6/2012 (Chưa soát xét)
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh	01	17	783.118.152	2.816.659.769
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		783.118.152	2.816.659.769
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	18	22.513.889	47.736.112
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		760.604.263	2.768.923.657
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	80.263.458.312	21.682.073.211
7. Chi phí tài chính	22	20	26.294.771.072	1.676.834.855
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	9.768.643.587	6.790.826.323
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-25}	30		44.960.647.916	15.983.335.690
10. Thu nhập khác	31		-	-
11. Chi phí khác	32		-	-
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		44.960.647.916	15.983.335.690
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	11.384.923.833	3.995.833.922
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		33.575.724.083	11.987.501.768

Nguyễn Thị Thanh Tú
Người lập biểu

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Hoàng Thị Dung
Kê toán trưởng



Vũ Đức Mạnh
Quyển Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 03a-CTQ

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 (Chưa soát xét)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	44.960.647.916	15.983.335.690
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	550.518.258	398.025.215
Các khoản dự phòng	03	(653.100.000)	1.651.626.095
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(80.263.458.312)	(21.682.073.211)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(35.405.392.138)	(3.649.086.211)
Thay đổi các khoản phải thu	09	(476.604.806)	(211.871.477)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(84.289.971.167)	(3.204.715.419)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(13.614.884.218)	(10.897.719.238)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(133.786.852.329)	(17.963.392.345)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(2.567.400.000)
2. Tiền chi mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(254.000.000.000)	-
3. Tiền thu từ thanh lý các công cụ nợ của đơn vị khác	24	299.000.000.000	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(110.890.000.000)	(9.974.826.095)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	80.800.000.000	-
6. Tiền thu lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	102.637.402.757	27.504.371.097
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	117.547.402.757	14.962.145.002
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(35.399.465.624)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(35.399.465.624)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(16.239.449.572)	(38.400.712.967)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	205.583.619.114	113.385.736.982
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	189.344.169.542	74.985.024.015

Nguyễn Thị Thanh Tú
 Người lập biểu

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Hoàng Thị Dung
 Kế toán trưởng



Vũ Đức Mạnh
 Quyền Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 50/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 10 năm 2010, sửa đổi gần nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 13/GPĐC-UBCK ngày 15 tháng 5 năm 2013.

Công ty mẹ của Công ty là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 47 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 43 người), trong đó 8 người đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, cụ thể như sau:

Họ tên	Chứng chỉ số	Ngày cấp	Vị trí công tác
Nguyễn Anh Tuấn	000717/QLQ	26 tháng 10 năm 2010	Chủ tịch Công ty
Vũ Đức Mạnh	000716/QLQ	26 tháng 10 năm 2010	Quyền Tổng Giám đốc
Quản Lê Phương Quy	000721/QLQ	05 tháng 5 năm 2011	Phó phòng Phát triển kinh doanh
Đình Quốc Đông	000190/QLQ	17 tháng 4 năm 2009	Trưởng phòng Nghiên cứu và phân tích
Nguyễn Tuấn Hùng	000720/QLQ	05 tháng 5 năm 2011	Nhân viên
Trần Thị Ngọc Tài	000060/QLQ	27 tháng 2 năm 2009	Kiểm soát viên phòng Pháp chế và Kiểm soát nội bộ
Nguyễn Thanh Hà	000315/QLQ	17 tháng 6 năm 2009	Phó phụ trách phòng Tư vấn
Võ Văn Minh	000840/QLQ	26 tháng 3 năm 2012	Phó phụ trách phòng Quản lý quỹ

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Đây là Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI (Tiếp theo)

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trong kỳ. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Các khoản đầu tư

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn bao gồm chứng khoán tự doanh và các khoản chứng khoán đầu tư. Đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán của Công ty được thực hiện dựa trên đánh giá của Ban Giám đốc về suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày lập báo cáo tài chính, tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Đối với chứng khoán đã niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng và trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

- Đối với các chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.
- Đối với các chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các chứng khoán không có giao dịch hoặc giao dịch không đáng kể trên thị trường không chính thức (OTC), giá chứng khoán được Công ty đánh giá căn cứ theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh lũy kế tới kỳ gần nhất, cùng với kế hoạch sản xuất kinh doanh trong các kỳ tiếp theo và thông tin đáng tin cậy về các giao dịch thành công gần ngày báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư (Tiếp theo)

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Công ty có dưới 20% quyền biểu quyết và đồng thời Công ty là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính hoặc hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành. Các khoản đầu tư dài hạn được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh ban đầu) theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa phần vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế. Khoản dự phòng này được ghi nhận như một khoản chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đầu tư chứng khoán của người ủy thác đầu tư

Công ty nhận tiền từ người ủy thác đầu tư và thay mặt người ủy thác đầu tư để thực hiện các giao dịch kinh doanh chứng khoán theo các quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư giữa Công ty với người ủy thác đầu tư. Các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư được phản ánh theo giá gốc. Công ty không thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư vì theo quy định của hợp đồng ủy thác đầu tư, người ủy thác đầu tư chịu mọi rủi ro đối với các khoản lỗ phát sinh trong quá trình đầu tư mà nguyên nhân không phải do Công ty vi phạm các điều khoản quy định trong hợp đồng. Công ty không ghi nhận các khoản mục liên quan đến hoạt động nhận ủy thác đầu tư trên Bảng cân đối kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm chi phí phát sinh. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, chi tiết như sau:

Từ 01/01/2013
đến 30/6/2013
Số năm

Thiết bị văn phòng
Phương tiện vận tải, truyền dẫn

3 - 5
6

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng là 3 năm.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận trên cơ sở vốn thực góp của chủ sở hữu tại Công ty theo tổng số vốn điều lệ đã được đăng ký.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được chuyển về cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của chủ sở hữu Công ty. Tỷ lệ trích lập các quỹ không theo quy định hiện hành mà sẽ do chủ sở hữu Công ty quyết định. Hàng năm khi kết thúc niên độ kế toán tài chính, căn cứ vào phê duyệt của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Công ty thực hiện hạch toán và sử dụng các quỹ sau:

Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ này dùng để bổ sung vào vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nhân tố khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho nhân viên.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu.

Phi quản lý: Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

Tiền lãi: Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức: Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	947.441.606	270.487.254
Tiền gửi ngân hàng	1.396.727.936	1.313.131.860
Các khoản tương đương tiền	187.000.000.000	204.000.000.000
	<u>189.344.169.542</u>	<u>205.583.619.114</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/6/2013		31/12/2012	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Đầu tư cổ phiếu		181.914.826.095		262.474.826.095
- Tổng Công ty thép Việt Nam - CTCP (i)	17.000.000	171.700.000.000	25.000.000	252.500.000.000
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	141.000	3.368.663.220	141.000	3.368.663.220
- Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	144.000	3.918.405.875	120.000	3.678.405.875
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội	321.000	2.927.757.000	321.000	2.927.757.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		300.000.000.000		46.000.000.000
Trái phiếu sẵn sàng để bán (i)		273.000.000.000		600.000.000.000
- Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco	23	23.000.000.000	150	150.000.000.000
- Công ty Cổ phần Bitexco Nho Quế	150	150.000.000.000	450	450.000.000.000
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	100	100.000.000.000	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác		28.000.000.000		-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(2.537.526.095)		(3.190.626.095)
		780.377.300.000		905.284.200.000

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, các khoản đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu và trái phiếu không có thông tin giao dịch trên thị trường chứng khoán chưa niêm yết (OTC). Theo đó, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng các khoản đầu tư này trên cơ sở tình hình tài chính và triển vọng của các công ty được đầu tư và tin tưởng rằng, không có dấu hiệu suy giảm giá trị đối với các khoản đầu tư này.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Dự thu lãi tiền gửi	5.719.222.223	1.629.083.334
Dự thu lãi trái phiếu	11.750.500.000	38.214.583.334
Dự thu phí quản lý	202.739.726	421.671.128
Khác	-	2.000.000
	17.672.461.949	40.267.337.796

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Phương tiện vận tài, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị văn phòng</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	3.517.060.000	2.118.323.680	5.635.383.680
Giảm trong kỳ (*)	-	(1.393.423.680)	(1.393.423.680)
Tại ngày 30/6/2013	<u>3.517.060.000</u>	<u>724.900.000</u>	<u>4.241.960.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	573.670.302	574.283.235	1.147.953.537
Khấu hao trong kỳ	293.088.333	236.811.927	529.900.260
Giảm trong kỳ (*)	-	(505.597.680)	(505.597.680)
Tại ngày 30/6/2013	<u>866.758.635</u>	<u>305.497.482</u>	<u>1.172.256.117</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2013	<u><u>2.650.301.365</u></u>	<u><u>419.402.518</u></u>	<u><u>3.069.703.883</u></u>
Tại ngày 31/12/2012	<u><u>2.943.389.698</u></u>	<u><u>1.544.040.445</u></u>	<u><u>4.487.430.143</u></u>

(*) Trong kỳ, Công ty thực hiện phân loại một số tài sản cố định sang khoản mục Chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn về điều kiện ghi nhận tài sản cố định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Phần mềm máy tính</u>
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2013	123.708.000
Tăng trong kỳ	-
Tại ngày 30/6/2013	<u>123.708.000</u>
GIÁ TRỊ HAO LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2013	50.972.274
Khấu hao trong kỳ	20.617.998
Tại ngày 30/6/2013	<u>71.590.272</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 30/6/2013	<u><u>52.117.728</u></u>
Tại ngày 31/12/2012	<u><u>72.735.726</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại ngày 30/6/2013			
	Giá trị đầu tư của Công ty tại các công ty nhận đầu tư		Vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư	
	Giá trị đầu tư thực tế	Giá trị theo cam kết	Vốn điều lệ thực góp	Vốn điều lệ theo giấy phép
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>				
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	25.000.000.000	25.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Mỹ Đình	20.000.000.000	20.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	80.000.000.000	215.600.000.000	379.328.750.000	1.078.000.000.000
- Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Đầu tư Công đoàn NHTMCP Công thương Việt Nam	3.200.000.000	3.200.000.000	320.000.000.000	320.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả - Khánh Hòa	27.450.000.000	91.500.000.000	151.800.000.000	305.000.000.000
	155.650.000.000			

	Tại ngày 31/12/2012			
	Giá trị đầu tư của Công ty tại các công ty nhận đầu tư		Vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư	
	Giá trị đầu tư thực tế	Giá trị theo cam kết	Vốn điều lệ thực góp	Vốn điều lệ theo giấy phép
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>				
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	25.000.000.000	25.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Mỹ Đình	20.000.000.000	20.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
	45.000.000.000			

Công ty thực hiện phân loại lại một số khoản đầu tư vào công ty liên kết sang các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (xem thêm Thuyết minh số 25). Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc phân loại các khoản đầu tư phù hợp với mục đích kinh doanh của Công ty.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.756.425.851	12.986.386.236
Thuế thu nhập cá nhân	51.765.944	106.571.069
	10.808.191.795	13.092.957.305

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các khoản phải trả về mua bán chứng khoán	100.000.000.000	180.000.000.000
Phải trả cho phần lợi nhuận chuyển về Ngân hàng mẹ	38.296.726.828	-
Khác	91.620.709	239.906.493
	138.388.347.537	180.239.906.493

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a-CTQ

13. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	950.000.000.000	4.164.643.015	2.082.321.507	47.232.736.997	1.003.479.701.519
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	33.575.724.083	33.575.724.083
Trích lập quỹ (*)	-	4.723.273.700	2.361.636.850	(7.084.910.550)	-
Chuyển lợi nhuận về Ngân hàng mẹ (*)	-	-	-	(38.296.726.828)	(38.296.726.828)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(1.851.099.619)	(1.851.099.619)
Số dư tại ngày 30/6/2013	950.000.000.000	8.887.916.715	4.443.958.357	33.575.724.083	996.907.599.155

(*) Trong kỳ, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ trên cơ sở kết quả lợi nhuận sau thuế năm 2012 theo Quyết định của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Nhà đầu tư ủy thác trong nước

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	-	19.150.400.000
Cổ phiếu không niêm yết	324.855.680.000	249.229.430.000
Trái phiếu	150.000.000.000	50.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	15.000.000.000	35.588.107.687
Đầu tư khác	383.300.000.000	365.000.000.000
	<u>873.155.680.000</u>	<u>718.967.937.687</u>

Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Cổ phiếu không niêm yết	1.440.000.000	1.440.000.000
	<u>1.440.000.000</u>	<u>1.440.000.000</u>

15. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Các khoản phải thu nhà đầu tư ủy thác thể hiện khoản lãi dự thu của các khoản ủy thác đầu tư.

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác thể hiện các khoản phí ủy thác phải trả liên quan đến quản lý danh mục đầu tư ủy thác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. DOANH THU

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 (Chưa soát xét)
	VND	VND
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	557.118.152	1.223.776.636
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	226.000.000	1.592.883.133
	783.118.152	2.816.659.769

18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 (Chưa soát xét)
	VND	VND
Chi phí hoạt động nghiệp vụ	22.513.889	47.736.112
	22.513.889	47.736.112

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 (Chưa soát xét)
	VND	VND
Lãi tiền gửi	14.069.887.229	6.505.612.369
Lãi đầu tư tài chính	65.072.292.808	15.176.460.842
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.121.278.275	-
	80.263.458.312	21.682.073.211

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 (Chưa soát xét)
	VND	VND
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(653.100.000)	1.651.626.095
Chi phí tài chính khác	26.947.871.072	25.208.760
	26.294.771.072	1.676.834.855

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 (Chưa soát xét)
	VND	VND
Chi phí nhân viên	5.484.980.630	5.296.939.895
Chi phí vật liệu công cụ làm việc	541.174.131	208.403.600
Chi phí khấu hao tài sản cố định	550.518.258	398.025.215
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.159.684.721	248.889.859
Chi phí khác	2.032.285.847	638.567.754
	9.768.643.587	6.790.826.323

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 (Chưa soát xét)
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	44.960.647.916	15.983.335.690
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	579.047.418	-
Thu nhập chịu thuế	45.539.695.334	15.983.335.690
<i>Thuế suất</i>	<i>25%</i>	<i>25%</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.384.923.833	3.995.833.922
Chi phí TNDN hoãn lại	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	11.384.923.833	3.995.833.922

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm vốn chủ sở hữu của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	189.344.169.542	205.583.619.114
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	996.907.599.155	1.003.479.701.519
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	189.344.169.542	205.583.619.114
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	780.377.300.000	905.284.200.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	17.672.461.949	40.376.531.176
Đầu tư dài hạn khác	155.650.000.000	45.000.000.000
Tổng	1.143.043.931.491	1.196.244.350.290
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	95.161.100	-
Chi phí phải trả	-	478.333.333
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	138.388.347.537	180.239.906.493
Tổng	138.483.508.637	180.718.239.826

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này. Công ty không có rủi ro tỷ giá do các tài sản và công nợ tài chính của công ty đều bằng đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất trong kỳ vì các khoản tiền gửi của Công ty đều có lãi suất cố định.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Thành viên của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết. Công ty chịu rủi ro về giá của các cổ phiếu này. Tuy nhiên, khoản đầu tư này không có thông tin giao dịch trên thị trường chứng khoán chưa niêm yết (OTC). Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng các khoản đầu tư này trên cơ sở tình hình tài chính và triển vọng của công ty được đầu tư và tin tưởng rằng, không có dấu hiệu suy giảm giá trị đối với các khoản đầu tư này.

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Hội đồng Thành viên của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng từ các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, tiền gửi ngân hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
30/6/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	189.344.169.542	-	189.344.169.542
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	780.377.300.000	-	780.377.300.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	17.672.461.949	-	17.672.461.949
Đầu tư dài hạn khác	-	155.650.000.000	155.650.000.000
Tổng cộng	987.393.931.491	155.650.000.000	1.143.043.931.491
30/6/2013			
Phải trả người bán	95.161.100	-	95.161.100
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	138.388.347.537	-	138.388.347.537
Tổng cộng	138.483.508.637	-	138.483.508.637
Chênh lệch thanh khoản ròng	848.910.422.854	155.650.000.000	1.004.560.422.854
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	205.583.619.114	-	205.583.619.114
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	905.284.200.000	-	905.284.200.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	40.376.531.176	-	40.376.531.176
Đầu tư dài hạn khác	-	45.000.000.000	45.000.000.000
Tổng cộng	1.151.244.350.290	45.000.000.000	1.196.244.350.290
31/12/2012			
Phải trả người bán	-	-	-
Chi phí phải trả	478.333.333	-	478.333.333
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	180.239.906.493	-	180.239.906.493
Tổng cộng	180.718.239.826	-	180.718.239.826
Chênh lệch thanh khoản ròng	970.526.110.464	45.000.000.000	1.015.526.110.464

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 (Chưa soát xét)
	VND	VND
Doanh thu phí ủy thác đầu tư		
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	787.866.668
- Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	71.550.536
- Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	449.315.069	-
Lãi từ hợp đồng tiền gửi		
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	5.622.472.222	543.223.645
Lãi từ tài khoản tiền gửi của nhà ủy thác		
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	64.629.508	3.520.840.702
Giao dịch bán cổ phiếu		
- Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	80.800.000.000	-
Giao dịch bán trái phiếu		
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.565.685.342.464	-
- Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	27.629.625.000	-

Số dư với các bên liên quan như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Quản lý vốn ủy thác đầu tư		
- Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	15.000.000.000	15.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	150.000.000.000	50.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	1.047.722
Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.396.727.936	1.157.108.740
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	355.000.000.000	197.000.000.000
Tiền gửi không kỳ hạn của nhà đầu tư ủy thác tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	307.586.109	20.385.919.158
Tiền gửi có kỳ hạn của nhà đầu tư ủy thác hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	15.000.000.000	15.588.107.687
Phải trả khác của Ngân hàng Indovina	-	180.000.000.000

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 (Chưa soát xét)
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	773.872.000	607.708.435

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012; số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 chưa được soát xét. Một số số liệu so sánh của bảng cân đối kế toán đã được phân loại lại như sau:

Khoản mục	Ghi chú	Theo báo cáo tài	Thay đổi	Theo báo cáo tài chính
		chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012		cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013
		VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết	(i)	45.000.000.000	(45.000.000.000)	-
Đầu tư dài hạn khác	(i)	-	45.000.000.000	45.000.000.000

- (i) Công ty thực hiện phân loại lại các khoản đầu tư do Công ty điều chỉnh kế hoạch kinh doanh liên quan đến các khoản đầu tư này.

Nguyễn Thị Thanh Tú
Người lập biểu

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Hoàng Thị Dung
Kế toán trưởng



Vũ Đức Mạnh
Quyền Tổng Giám đốc
